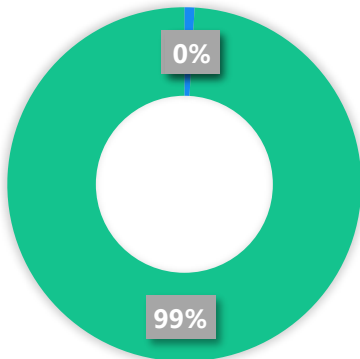


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		5,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		6,440
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		4,260
SL cổ phiếu LH		112,320,017
KLGD BQ 20 phiên (CP)		694,320
% sở hữu nước ngoài		0.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		640
P/E		-2.1
EPS		-2,691

	YTD	1T	3T	6T
TLH	23.4%	-3.2%	0.5%	1.2%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%

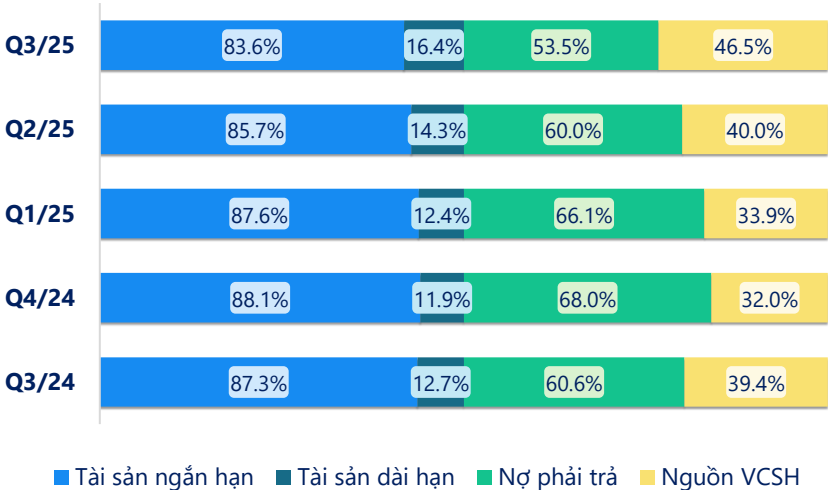
Cơ cấu sở hữu



- Sở hữu nước ngoài
- Sở hữu nhà nước
- Sở hữu khác

(Nguồn: fireant.vn)

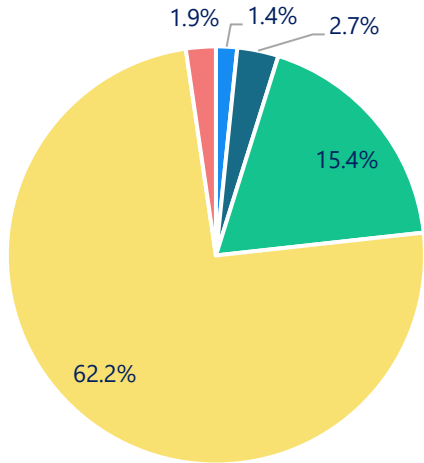
Cơ cấu Tổng tài sản



- Tài sản ngắn hạn
- Tài sản dài hạn
- Nợ phải trả
- Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

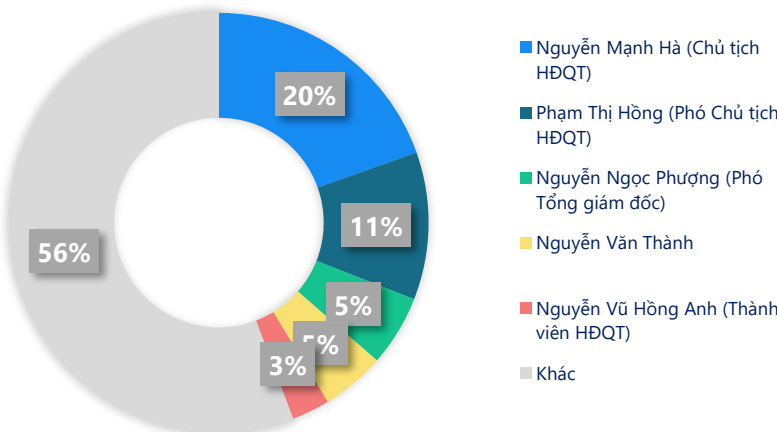


- Tiền và TĐ tiền
- Đầu tư TC ngắn hạn
- Phải thu ngắn hạn
- Hàng tồn kho
- TSNH khác

Q3/25

(Nguồn: fireant.vn)

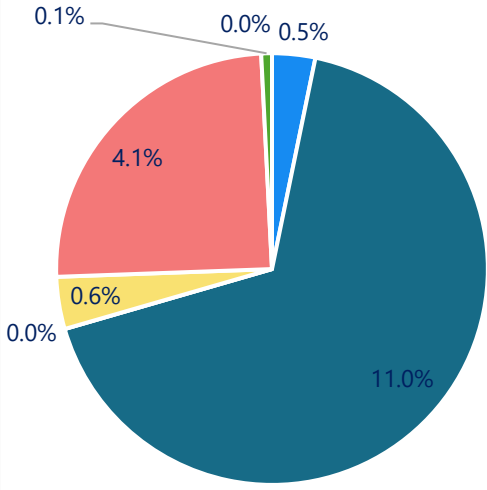
Cơ cấu cổ đông



- Nguyễn Mạnh Hà (Chủ tịch HĐQT)
- Phạm Thị Hồng (Phó Chủ tịch HĐQT)
- Nguyễn Ngọc Phượng (Phó Tổng giám đốc)
- Nguyễn Văn Thành
- Nguyễn Vũ Hồng Anh (Thành viên HĐQT)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

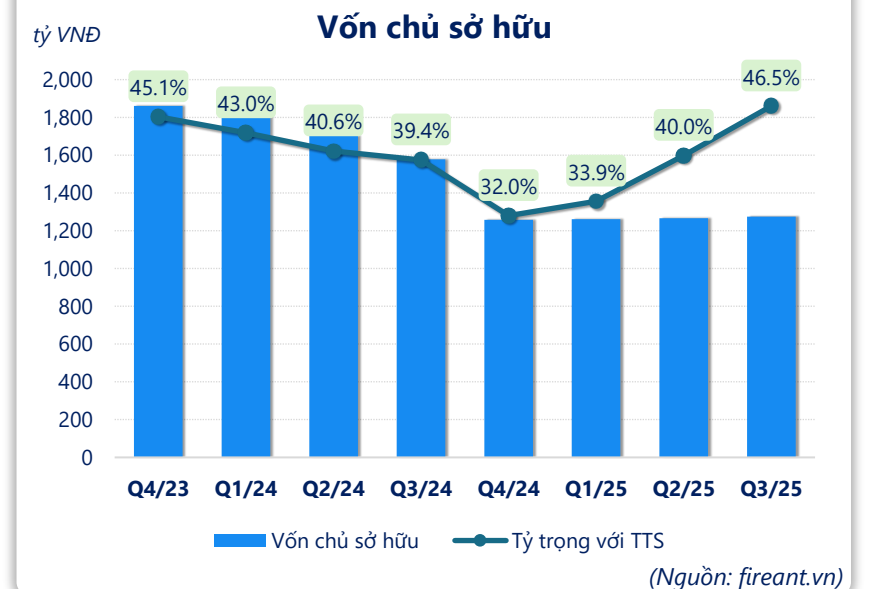
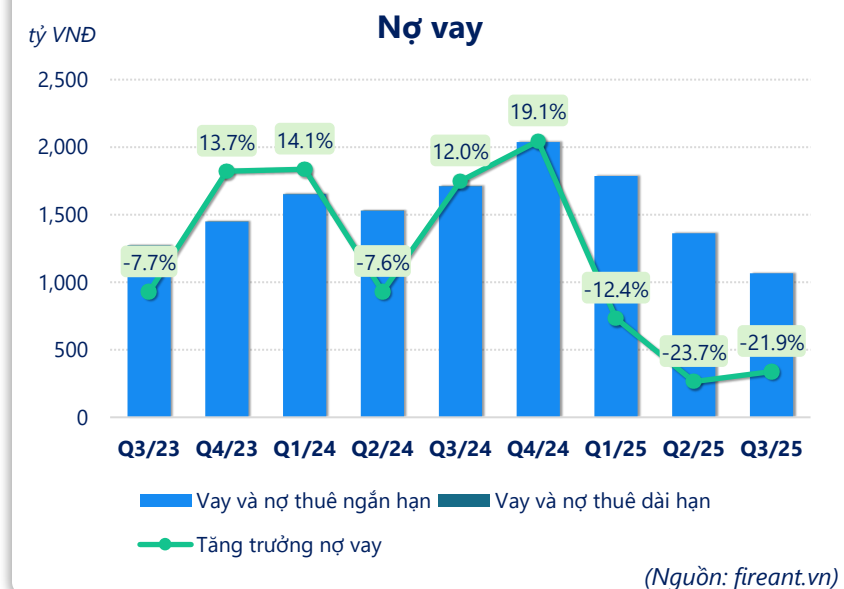
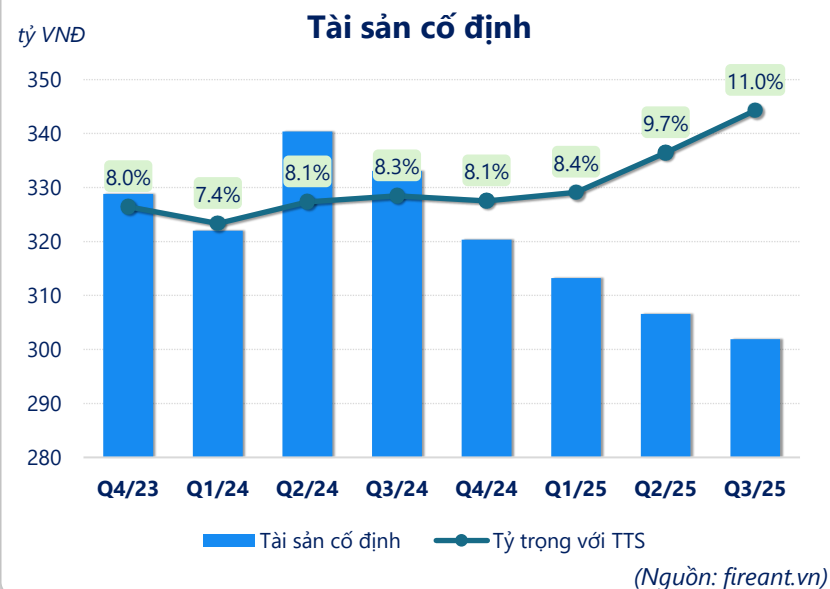
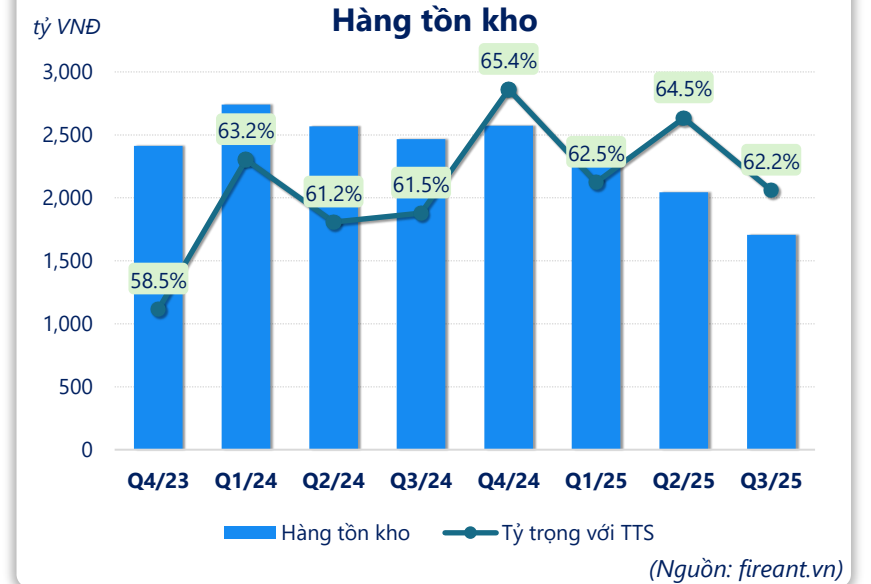
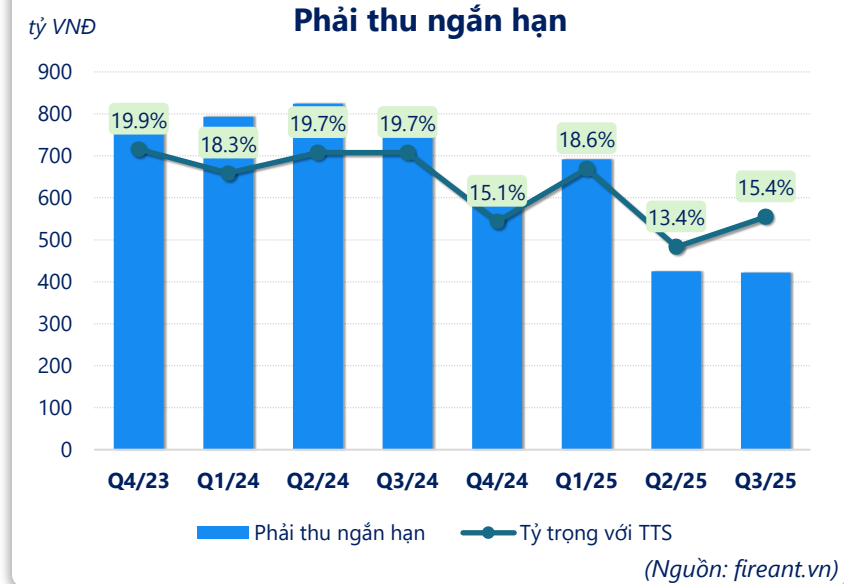
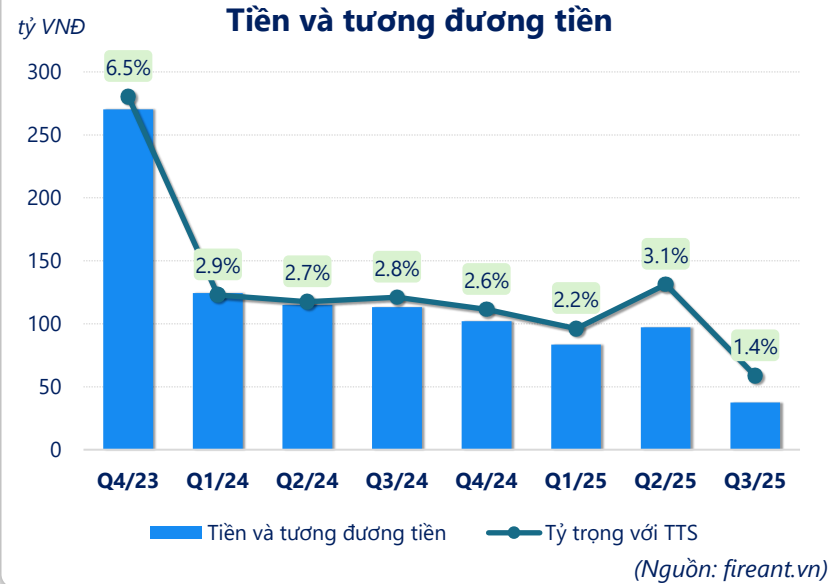
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

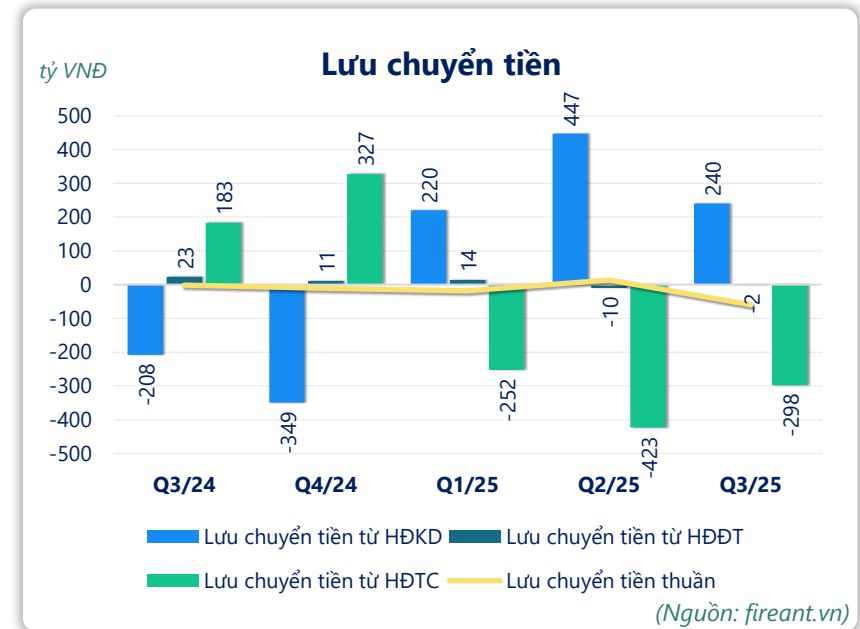
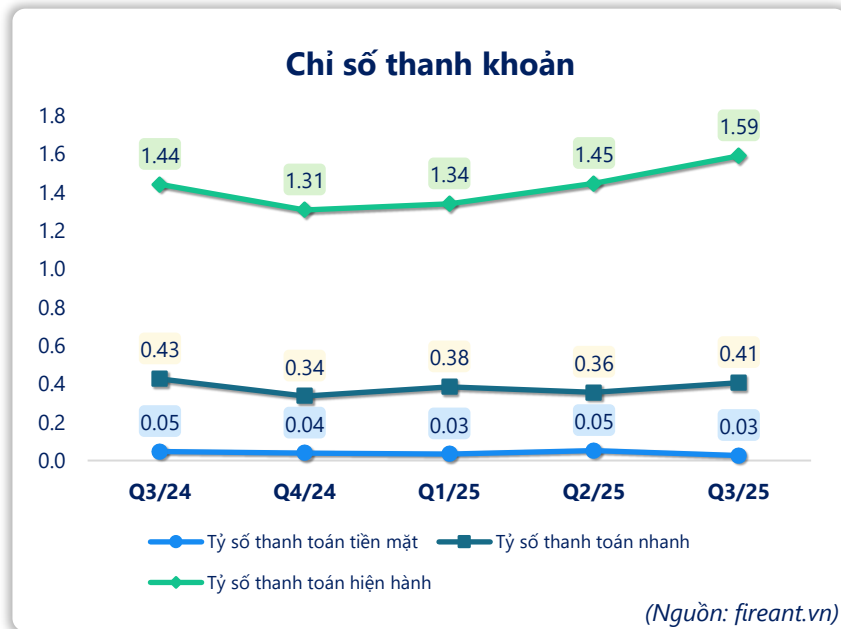
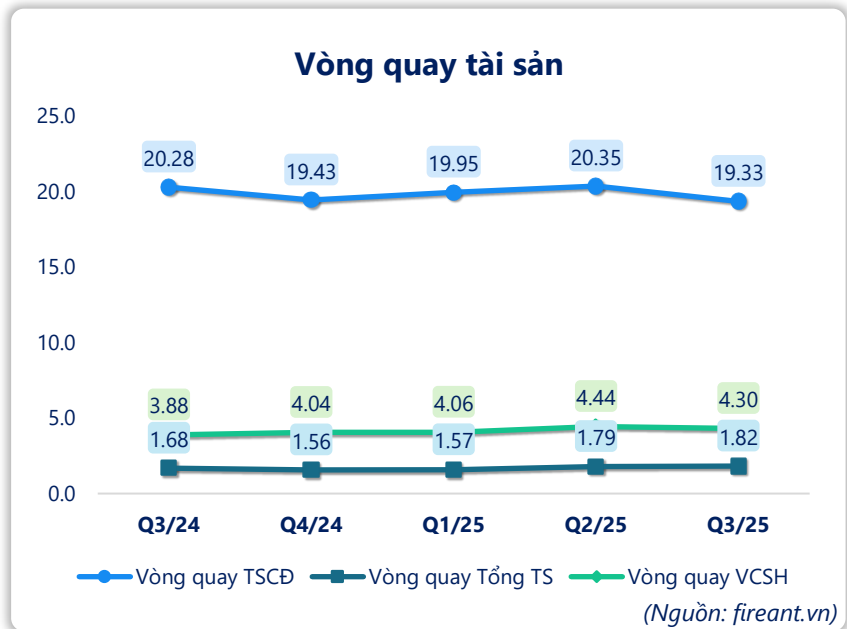
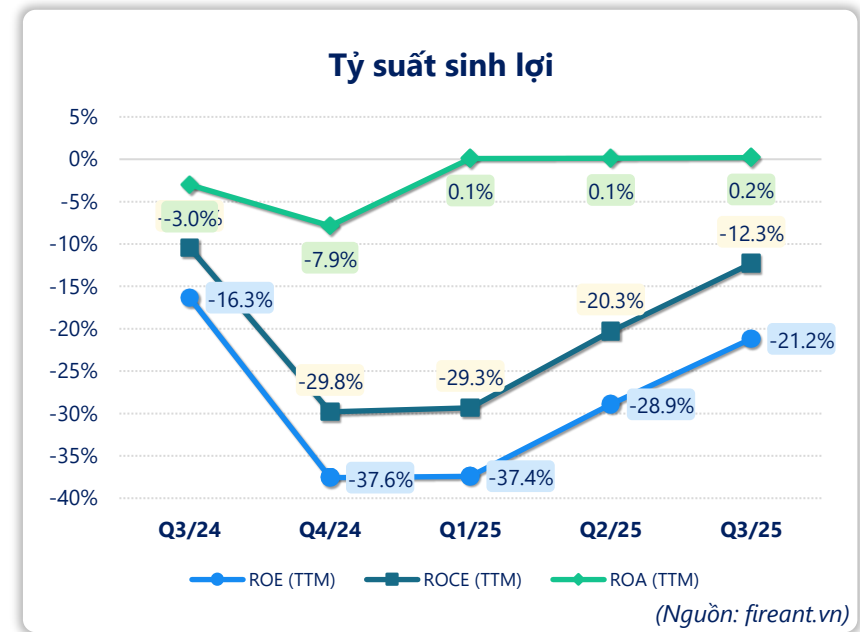
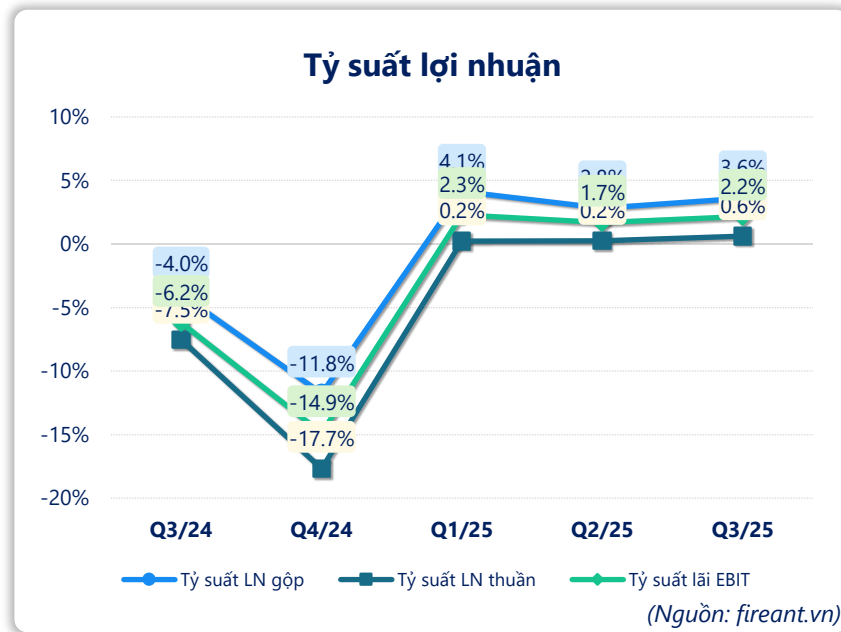
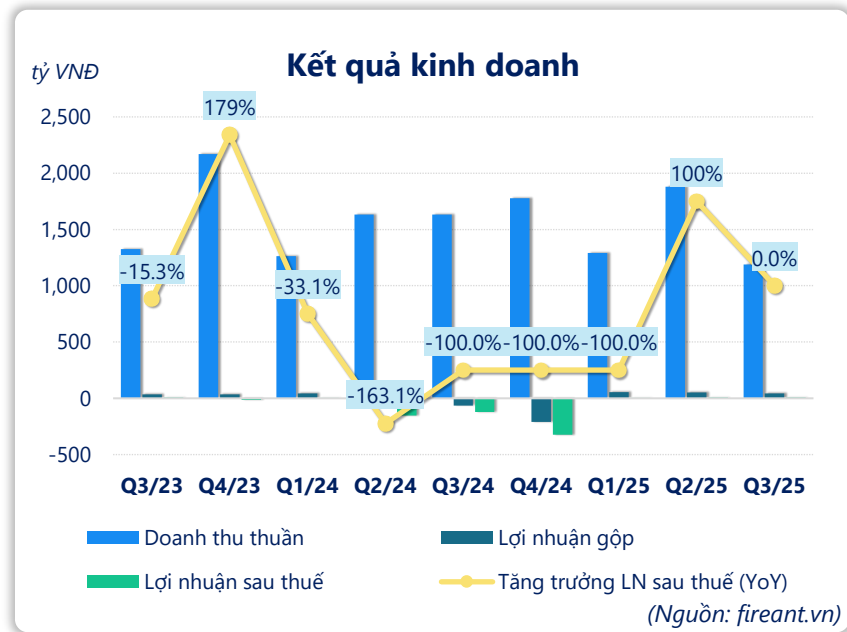


- Phải thu dài hạn
- Tài sản cố định
- Bất động sản đầu tư
- Tài sản dở dang
- Đầu tư tài chính dài hạn
- Tài sản dài hạn khác
- Lợi thế thương mại

Q3/25

(Nguồn: fireant.vn)





CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	2,739	3,932	-30.3%
Tài sản ngắn hạn	2,291	3,464	-33.9%
Tiền và tương đương tiền	37.5	102	-63.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	73.2	78.9	-7.3%
Phải thu ngắn hạn	422	594	-29.0%
Hàng tồn kho	1,705	2,573	-33.7%
Tài sản ngắn hạn khác	52.9	116	-54.3%
Tài sản dài hạn	449	468	-4.1%
Phải thu dài hạn	14.5	14.4	1.0%
Tài sản cố định	302	320	-5.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	17.5	17.2	2.2%
Đầu tư tài chính dài hạn	111	110	0.7%
Tài sản dài hạn khác	3.59	5.44	-34.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,465	2,674	-45.2%
Nợ ngắn hạn	1,440	2,648	-45.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,065	2,038	-47.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	298	389	-23.6%
Nợ dài hạn	25.4	25.5	-0.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,274	1,258	1.3%
Vốn chủ sở hữu	1,274	1,258	1.3%
Vốn điều lệ	1,123	1,123	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	1,633	1,777	1,292	1,880	1,189
Giá vốn hàng bán	1,698	1,986	1,238	1,827	1,146
Lợi nhuận gộp	-64.7	-209	53.3	53.1	42.9
Doanh thu HĐTC	36.9	10.7	6.56	8.32	6.61
Chi phí TC	25.4	48.3	29.7	29.6	22.5
Chi phí lãi vay	21.5	34.4	26.6	27.1	18.1
LN trong công ty LKLD	-43.3	-32.5	0.26	0.29	0.25
Chi phí bán hàng	11.9	16.9	13.9	15.0	10.5
Chi phí QLDN	14.5	18.2	13.7	12.4	9.34
LN thuần từ HĐKD	-123	-314	2.78	4.65	7.35
Lợi nhuận khác	0.15	15.5	0.20	0.01	0.18
LN trước thuế	-123	-299	2.98	4.66	7.54
Lợi nhuận sau thuế	-123	-323	2.98	5.32	7.54
LNST của CĐ cty mẹ	-120	-317	2.83	4.97	6.63

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-208	-349	220	447	240
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	22.7	11.1	13.8	-10.4	-1.92
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	183	327	-252	-423	-298
Tiền đầu kỳ	115	113	102	83.5	97.1
Lưu chuyển tiền thuần	-1.66	-11.1	-18.6	13.6	-59.6
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.00	0	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	113	102	83.5	97.1	37.5

(Nguồn: fireant.vn)